KPMG

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số	0060/NH-GP	ngày 25 tháng 1 năm 1996
	Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233488	ngày 14 tháng 2 năm 1996
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100233488 ngày 5 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Khắc Vỹ	Chủ tịch
	Ông Đặng Văn Sơn	Phó Chủ tịch
	Ông Hàn Ngọc Vũ	Thành viên
	Ông Đỗ Xuân Hoàng	Thành viên
	Ông Trần Nhất Minh	Thành viên
	Ông Ronald Wayne Hoy	Thành viên
	Ông Garry Lynton Mackrell	Thành viên
	Ông Bradley Charles Lalonde	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Hàn Ngọc Vũ	Tổng Giám đốc *(bổ nhiệm ngày 16/09/2013)*
	Bà Đàm Bích Thủy	Tổng Giám đốc *(bổ nhiệm ngày 23/05/2013 và miễn nhiệm ngày 16/09/2013)*
	Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 31/01/2013)*
	Ông Trần Nhất Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối
	Ông Loic Faussier	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro
	Ông Ân Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Pháp chế và Quản trị doanh nghiệp *(bổ nhiệm ngày 14/08/2013)*
	Ông Vivek Chand	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp *(miễn nhiệm ngày 30/06/2013)*
	Ông Hồ Vân Long	Giám đốc Tài chính

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật	Ông Hàn Ngọc Vũ	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tầng 1, 6 và 7 Toà nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam ("Ngân hàng") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, mà từ đó báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm được trích lập, theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Ngân hàng:

- báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đã được lập và trình bày nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được trích lập.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hán Ngọc Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2014

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi các Cổ đông
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "VIB") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 mà từ đó báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm được trích lập. Trong báo cáo kiểm toán của chúng tôi phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2014, chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được trích lập.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt đính kèm là nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được trích lập.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của VIB cho năm kết thúc cùng ngày cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này phải được đọc trong mối liên hệ với với báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được trích lập cùng với báo cáo kiểm toán tương ứng.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 13-02-100/5

S.G.C.N: 011043000345 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG - HÀ NỘI

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2014

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity

		31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**		
I	**Tiền mặt và vàng**	**572.546**	**721.140**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	**1.065.667**	**1.932.929**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**7.966.703**	**7.375.719**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.423.698	6.420.325
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.554.750	968.480
3	Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(11.745)	(13.086)
V	**Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**25.783**	-
VI	**Cho vay khách hàng**	**34.313.126**	**33.313.035**
1	Cho vay khách hàng	35.238.517	33.887.202
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(925.391)	(574.167)
VII	**Chứng khoán đầu tư**	**21.595.261**	**13.795.143**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	21.311.835	13.812.584
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	295.426	-
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(12.000)	(17.441)
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**177.442**	**183.553**
4	Đầu tư dài hạn khác	245.388	249.878
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(67.946)	(66.325)
IX	**Tài sản cố định**	**364.845**	**403.744**
1	Tài sản cố định hữu hình	273.455	195.384
a	*Nguyên giá*	*592.943*	*507.738*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(319.488)*	*(312.354)*
3	Tài sản cố định vô hình	91.390	208.360
a	*Nguyên giá*	*208.645*	*307.184*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(117.255)*	*(98.824)*
X	**Bất động sản đầu tư**	**852.722**	**24.403**
a	*Nguyên giá bất động sản đầu tư*	*875.748*	*24.403*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*(23.026)*	-
XI	**Tài sản Có khác**	**9.940.575**	**7.273.740**
1	Các khoản phải thu	8.919.486	6.038.719
2	Các khoản lãi, phí phải thu	832.647	1.116.114
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	257	330
4	Tài sản có khác	323.603	220.775
5	Dự phòng cho các tài sản có khác	(135.418)	(102.198)
	TỔNG TÀI SẢN	**76.874.670**	**65.023.406**

		31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		
	NỢ PHẢI TRẢ		
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	**998.045**	**1.913.899**
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**19.036.314**	**11.244.628**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	6.955.134	3.616.236
2	Vay các tổ chức tín dụng khác	12.081.180	7.628.392
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**43.239.428**	**39.061.259**
IV	**Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác**	**-**	**10.039**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	**455.944**	**390.163**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**308**	**1.000.599**
VII	**Các khoản nợ khác**	**5.162.005**	**2.967.115**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	524.533	444.440
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.870	14.247
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	4.600.384	2.492.554
4	Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	15.218	15.874
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**68.892.044**	**56.587.702**
	VỐN CHỦ SỞ HỮU		
VIII	**Vốn và các quỹ**	**7.982.626**	**8.371.463**
1	Vốn	6.802.951	6.802.951
a	*Vốn cổ phần*	*4.250.000*	*4.250.000*
b	*Thặng dư vốn cổ phần*	*2.552.958*	*2.552.958*
c	*Cổ phiếu quỹ*	*(7)*	*(7)*
2	Các quỹ	1.113.793	1.038.179
5	Lợi nhuận chưa phân phối	65.882	530.333
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	**7.982.626**	**8.371.463**
IX	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**-**	**64.241**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**76.874.670**	**65.023.406**

		31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
I	**NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN**		
2	Thư tín dụng	806.690	725.621
3	Bảo lãnh khác	1.300.830	1.328.731
II	**CAM KẾT KHÁC**		
1	Cam kết cho vay chưa giải ngân	1.786.944	2.132.416

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Trần Thị Thanh Trà *Giám đốc* *Phòng Kế toán Tổng hợp*	Hồ Vân Long *Giám đốc Tài chính*	Hàn Ngọc Vũ *Tổng Giám đốc*

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

		2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.790.141	8.710.770
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.854.483)	(5.722.070)
I	**Thu nhập lãi thuần**	**1.935.658**	**2.988.700**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	253.952	233.141
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(89.408)	(106.201)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**164.544**	**126.940**
III	**Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối**	**23.026**	**38.199**
V	**Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**233.446**	**(31.110)**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	248.645	414.010
6	Chi phí hoạt động khác	(96.743)	(284.163)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**151.902**	**129.847**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**5.070**	**8.410**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**(1.561.497)**	**(1.816.259)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**952.149**	**1.444.727**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**(871.058)**	**(743.964)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**81.091**	**700.763**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.147)	(165.863)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(7.696)	(14.511)
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	**(30.843)**	**(180.374)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**	**50.248**	**520.389**
XIV	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**-**	**(2.824)**
	Lợi nhuận sau thuế thuộc về các cổ đông của Ngân hàng	**50.248**	**523.213**
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**118**	**1.231**

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Trần Thị Thanh Trà	Hồ Văn Long	Hàn Ngọc Vũ
Giám đốc	*Giám đốc Tài chính*	*Tổng Giám đốc*
Phòng Kế toán Tổng hợp		

Ngày 27 tháng 3 năm 2014

		2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	5.073.608	8.936.474
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.774.390)	(6.202.007)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	78.173	126.940
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	252.652	14.290
05	Thu nhập khác	238.273	129.847
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.466.083)	(1.792.664)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(92.036)	(106.481)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	**1.310.197**	**1.106.399**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.415.548	5.481.620
10	Chứng khoán đầu tư	(7.794.677)	6.639.967
11	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(25.783)	-
12	Cho vay khách hàng	(6.611.182)	5.986.099
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	(421.475)	(432.866)
14	Tài sản hoạt động khác	1.899.964	(1.809.853)
	Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		
15	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(915.854)	1.015.747
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	7.791.686	(17.452.725)
17	Tiền gửi của khách hàng	4.178.169	(5.087.867)
18	Phát hành giấy tờ có giá	(1.000.291)	(12.338.933)
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	65.781	28.467
20	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác	(10.039)	2.028
21	Nợ phải trả hoạt động khác	2.080.128	2.050.087
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**	**3.962.172**	**(14.811.830)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(134.318)	(132.077)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.816	5.092
04	(Mua sắm)/thanh lý bất động sản đầu tư	(427.895)	13.516
07	Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	4.490	32.619
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	5.070	8.410
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**	**(547.837)**	**(72.440)**

		2013 Triệu VND	2012 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(425.000)	(297.500)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**	**(425.000)**	**(297.500)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**	**2.989.335**	**(15.181.770)**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**	**5.072.576**	**20.254.346**
VI	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	**8.061.911**	**5.072.576**

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
Trần Thị Thanh Trà	Hồ Vân Long	Hàn Ngọc Vũ
Giám đốc	*Giám đốc Tài chính*	*Tổng Giám đốc*
Phòng Kế toán Tổng hợp		

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 3 năm 2014